UBND QUẬN BA ĐÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHIẾU HỌC TẬP – TUẦN 21
NĂM HỌC 2020-2021
Môn: Toán
Lớp: 7 Phiếu 2

A. TRẮC NGHIỆM

Bài 1. Hãy chọn khẳng định đúng trả lời câu hỏi sau.

Tần số của mỗi giá trị là gì?

A. Là số lần xuất hiện của giá trị đó trong dãy giá trị của dấu hiệu.
B. Số các giá trị trong dãy giá trị của dấu hiệu.
C. Số các giá trị khác nhau trong dãy giá trị của dấu hiệu.
D. Là chính giá trị đó.

Bài 2. Số học sinh nữ của mỗi lớp của một trường THCS được ghi lại trong bảng sau:

13	10	15	12	13	15	12	15	14	15
15	17	13	13	15	13	11	15	16	20
16	15	16	14	15	15	14	14	15	17

Câu 1. Trường THCS đó có số lớp là:

A. 10 B. 28 C. 30 D. 29

Câu 2. Số bạn nữ ít nhất trong một lớp là:

A. 10 B. 11 C. 12 D. Đáp án khác.

Câu 3. Số bạn nữ nhiều nhất trong một lớp là:

A. 20 B. 14 C. 15 D. 17

Câu 4. Đại đa số các lớp có bao nhiêu bạn nữ?

A. 13 B. 14 C. 15 D. 17

Bài 3. Cho tam giác ABC cân tại A, biết $\hat{B} = 30^o$. Số đo góc A là:

A. 60^o B. 30^o C. 120^o D. 150^o

Bài 4. Cho tam giác DEF cân tại D có $\hat{D} = 50^o$. Khẳng định nào sau đây là sai:

A. DE = DF B. $\hat{E} = \hat{F}$ C. $\hat{E} = 50^o$ D. $\hat{F} = 65^o$

Bài 5. Bộ ba đoạn thẳng nào sau đây là độ dài ba cạnh của một tam giác vuông ?

A. 3cm; 4cm; 5cm
B. 5cm; 6cm; 7cm
C. 8cm; 8cm; 9cm
D. 7cm; 8cm; 10cm

Bài 6. Cho hình vẽ, tam giác nhọn ABC. Kẻ AH vuông góc với BC, H thuộc BC. Cho biết AB = 13cm, AH = 12cm, HC = 9cm. Tính chu vi tam giác ABC.

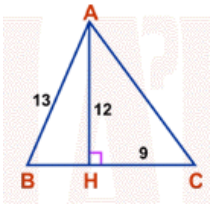

A. 41cm B. 40cm C. 45cm D. 42cm

B. TỰ LUẬN

Bài 1. Thời gian hoàn thành cùng một loại sản phẩm (tính bằng phút) của 35 công nhân trong một phân xưởng sản xuất được ghi trong bảng sau:

3	5	4	5	4	6	3
4	7	5	5	5	4	6
5	4	5	7	5	6	4
5	5	6	6	4	5	5
6	3	6	7	5	5	8

a) Dấu hiệu ở đây là gì? Có bao nhiêu giá trị khác nhau của dấu hiệu?

b) Lập bảng tần số và rút ra nhận xét.

c) Hãy vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

Bài 2. Mười đội bóng tham gia một giải bóng đá. Mỗi đội phải đá với một đội khác một trận lượt đi, một trận lượt về.

a) Có bao nhiêu trận trong toàn giải ?

b) Số bàn thắng trong các trận có bàn thắng của toàn giải được ghi lại trong bảng sau:

Số bàn thắng (x)	1	2	3	4	5	6	
Tần số (n)	8	16	20	10	5	1	N = 60

Có bao nhiêu trận không có bàn thắng?

c) Trung bình mỗi trận trong toàn giải có bao nhiêu bàn thắng? Tìm mốt?

Bài 3. Cho tam giác nhọn ABC. Kẻ AH vuông góc với BC (H thuộc BC).

a) Cho AB = 25, AC = 26, AH = 24. Tính BC.

b) Cho biết AB = 13cm, AH = 12cm, HC = 16 cm. Tính chu vi của tam giác ABC.

Bài 4. Tính độ dài đường chéo của một mặt bàn hình chữ nhật có chiều dài 12dm, chiều rộng 5dm.

Bài 5. Cho tam giác nhọn ABC, $AB = 13cm$, $AC = 15cm$. Kẻ $AD \perp BC$ $(D \in BC)$.Biết $BD = 5cm$. Tính CD.

GIÁO DỤC BA ĐÌNH